

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2024

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, T PHỐ HÀ NỘI
Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà
Ông Dương Minh Khương

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, T phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, T phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị V** - sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: thôn Khôn T1, xã Minh C, huyện Thường Tín, T phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Vũ Nam T** - sinh năm 1987 (có đơn xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: thôn Khôn T1, xã Minh C, huyện Thường Tín, T phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại đội 7, phân trại 1, trại giam Ninh K, tỉnh Ninh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/01/2024 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh Vũ Nam T được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 11/7/2013 tại UBND xã Yên D, huyện Cẩm K, tỉnh

Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng tại thôn Khôn T1, xã Minh C, huyện Thường Tín, T phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp về tính cách và do anh T chơi bời, sử dụng ma túy. Từ năm 2021 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Ngày 18/3/2023, anh T bị bắt và sau đó bị xét xử kết án 16 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại trại giam Ninh K, tỉnh Ninh B. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chờ đợi anh T để vun vén hạnh phúc gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Kim A sinh ngày 17/3/2014 và Vũ Quỳnh A1 sinh ngày 02/02/2020. Chị V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị V hiện đang làm may tại nhà, mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/01 tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị V không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Vũ Nam T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị V về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Yên D, huyện Cẩm K, tỉnh Phú Thọ là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà anh tại thôn Khôn T1, xã Minh C, huyện Thường Tín, T phố Hà Nội. Thực tế ngay sau khi cưới vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời, nghiện ma túy và có hành vi vi phạm pháp luật. Năm 2016 anh T phạm tội về ma túy và đi chấp hành án phạt tù đến năm 2017 về địa phương. Tháng 3 năm 2023 anh T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị kết án phạt tù 16 năm. Do thời gian chấp hành án kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách nay chị Vyêu cầu ly hôn anh T đồng ý để giải phóng cho chị V có cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Kim A sinh ngày 17/3/2014 và Vũ Quỳnh A1 sinh ngày 02/02/2020. Do đang phải chấp hành án phạt tù không đảm bảo điều kiện nuôi con nên anh T đồng ý giao cả hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Do đang phải chấp hành án phạt tù nên anh T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

+Chị V: giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Các đương sự chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Vũ Nam T. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Kim A sinh ngày 17/3/2014 và Vũ Quỳnh A1 sinh ngày 02/02/2020 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, T phó Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Nam T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Vũ Nam T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/7/2013 tại UBND xã Yên D, huyện Cẩm K, tỉnh Phú Thọ. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Các đương sự đều xác nhận mâu thuẫn do anh T chơi bời nghiện ma túy, có hành vi phạm tội, bị kết án và phải chấp hành hình phạt tù. Qua xác minh gia đình hai bên, đại diện chính quyền địa phương thể hiện trước khi anh T bị bắt tạm giam thì chị V đã chuyển đi nơi khác sống, vợ chồng ly thân từ năm 2021.

Anh T đồng ý ly hôn với chị V. Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, chị V và anh T cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn yêu thương, chăm sóc quan tâm đến nhau thể hiện hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị V là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Vũ Nam T.

[4] Về con chung: Chị V và anh T có hai con chung là cháu Vũ Kim A sinh ngày 17/3/2014 và Vũ Quỳnh A1 sinh ngày 02/02/2020. Xét thấy, anh T đang phải chấp hành án phạt tù không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con, mặt khác anh T đồng ý giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo điều kiện chăm sóc giáo dục tốt nhất cho các con anh chị, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 26- Luật thi hành án dân sự.
- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Vui. Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Vũ Nam T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Kim A sinh ngày 17/3/2014 và Vũ Quỳnh A1 sinh ngày 02/02/2020 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị V không yêu cầu nên không xem xét. Anh Vũ Nam T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0016117 ngày 31/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, T phố Hà Nội. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Nam T quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND T phố Hà Nội;
- VKSND T phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã Yên D, huyện Cẩm K,
- Tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền

